

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lào Cai thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực hóa chất, điện lực và phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2205/TTr-SCT ngày 28 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nội dung, phạm vi ủy quyền

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực hóa chất, điện lực và phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Thời hạn ủy quyền

Từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ trường hợp quy định của pháp luật và văn bản khác của cấp có thẩm quyền quy định điều chỉnh, thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được ủy quyền tại Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Công Thương:

a) Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục hành chính đã được công bố hoặc ngay khi được công bố, công bố sửa đổi, bổ sung thuộc các nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

c) Chuẩn bị, bố trí đầy đủ các nguồn lực để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền. Sử dụng hình thức văn bản, con dấu của Sở Công Thương để thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền.

d) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đánh giá và xử lý theo thẩm quyền quy định đối với các vấn đề phát sinh khi thực hiện Quyết định này.

đ) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành.

Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Kiểm toán khu vực VII phối hợp kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc thường xuyên trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này. Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh để việc triển khai thực hiện Quyết định đảm bảo các quy định của pháp luật, xử lý nghiêm các vi phạm nếu có.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Kiểm toán khu vực VII;
- Công an tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV TMTH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Anh

Phụ lục:
DANH MỤC NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG LĨNH VỰC HÓA CHẤT, ĐIỆN LỰC VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN	CĂN CỨ PHÁP LÝ	DANH MỤC TTHC ĐÃ CÔNG BỐ (NẾU CÓ)			GHI CHÚ
			TÊN TTHC	LĨNH VỰC CÔNG BỐ	MÃ TTHC	
I	Lĩnh vực hóa chất					
1	Tổ chức cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Hóa chất.	Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	1.011506	
			Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	1.011507	
			Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	1.011508	
			Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	2.001547	

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN	CĂN CỨ PHÁP LÝ	DANH MỤC TTHC ĐÃ CÔNG BỐ (NẾU CÓ)			GHI CHÚ
			TÊN TTHC	LĨNH VỰC CÔNG BỐ	MÃ TTHC	
			Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	2.001175	
			Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	2.001172	
			Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	1.002758	
			Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	2.001161	
			Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Hóa chất	2.000652	

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN	CĂN CỨ PHÁP LÝ	DANH MỤC TTHC ĐÃ CÔNG BỐ (NẾU CÓ)			GHI CHÚ
			TÊN TTHC	LĨNH VỰC CÔNG BỐ	MÃ TTHC	
II	Lĩnh vực điện lực					
1	Cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Khoản 2, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Lĩnh vực điện	1.013401	
			Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Lĩnh vực điện	1.013411	
			Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Lĩnh vực điện	1.013412	
			Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Lĩnh vực điện	1.013416	
			Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng).	Lĩnh vực điện	1.013417	
			Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Lĩnh vực điện	1.013418	

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN	CĂN CỨ PHÁP LÝ	DANH MỤC TTHC ĐÃ CÔNG BỐ (NẾU CÓ)			GHI CHÚ
			TÊN TTHC	LĨNH VỰC CÔNG BỐ	MÃ TTHC	
			Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Lĩnh vực điện	1.013419	
			Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Lĩnh vực điện	1.013421	
			Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng.	Lĩnh vực điện	1.013420	
2	Cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phân phối điện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.				
3	Cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.				

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN	CĂN CỨ PHÁP LÝ	DANH MỤC TTHC ĐÃ CÔNG BỐ (NẾU CÓ)			GHI CHÚ
			TÊN TTHC	LĨNH VỰC CÔNG BỐ	MÃ TTHC	
III	Lĩnh vực phát triển công nghiệp hỗ trợ					
1	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Công nghiệp nặng	1.001304	